CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam

Ngày 31/12/2025	29,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	20.8%	**28.9%**	**75.6%**

DT thuần
Q4/25
30.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.40| -17.2%
YoY: ▼11.1| -26.4%

LN thuần
Q4/25
1.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20| 12.9%
YoY: ▲ 0.11| 6.8%

LN sau thuế
Q4/25
1.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.18| 14.9%
YoY: ▲ 0.01| 1.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.5%
YoY: +/-▲ 0.2%

ROE
2025
7.2%
YoY: +/-▲ 1.6%

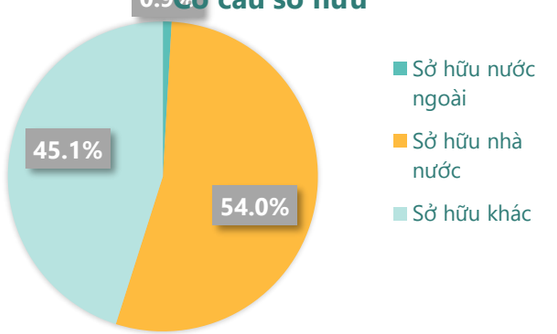
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,183 - 38,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	78
Số lượng CPLH (CP)	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,915
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	(0.24)
EPS	1,087
P/E	26.7

DT thuần
2025
88.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.1| 19.1%

LN thuần
2025
3.16
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.42| 15.3%

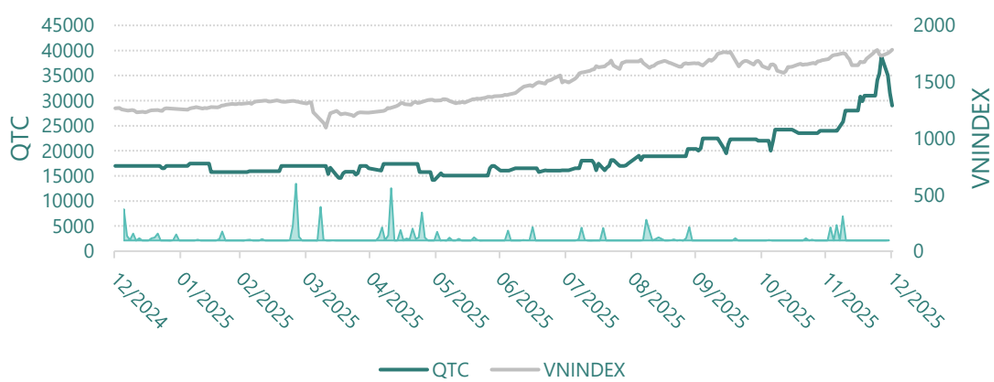
LN sau thuế
2025
2.93
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.68| 30.5%

Cơ cấu sở hữu

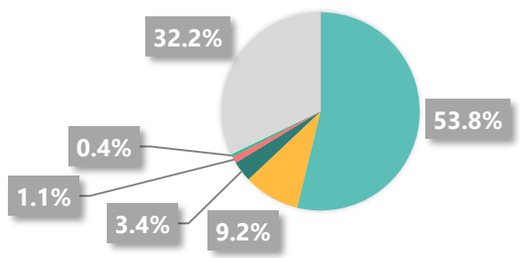


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



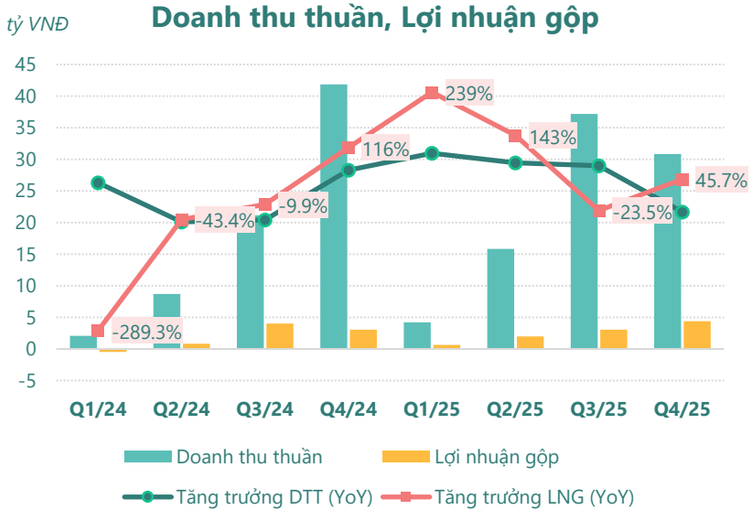
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

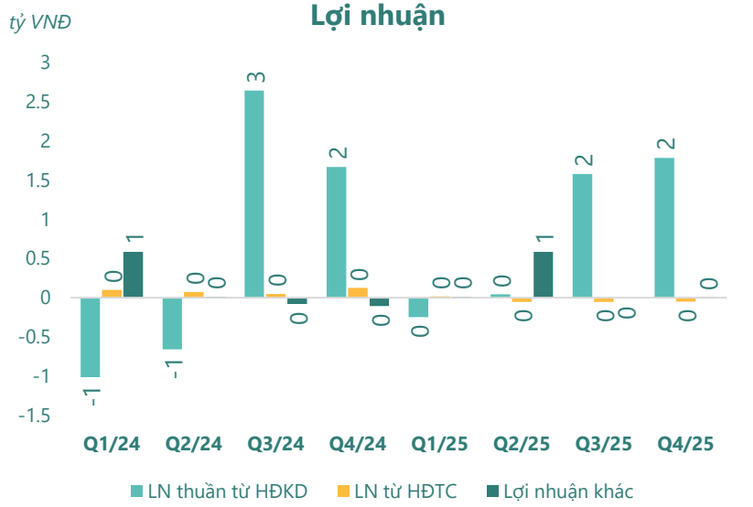
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



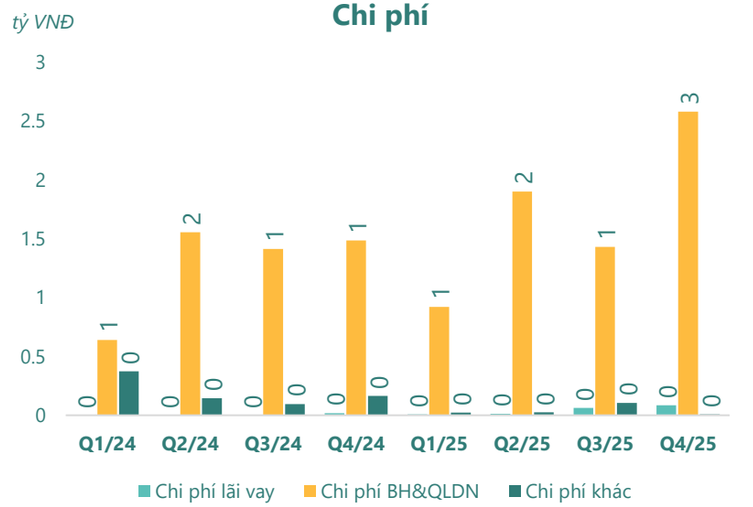
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



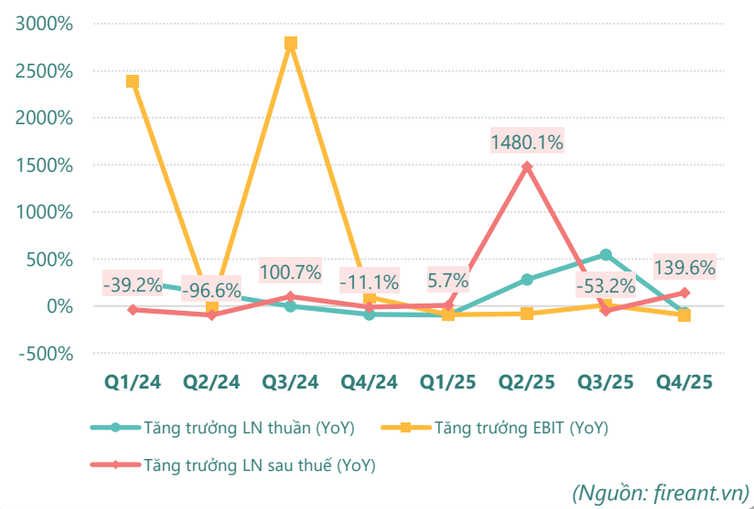
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



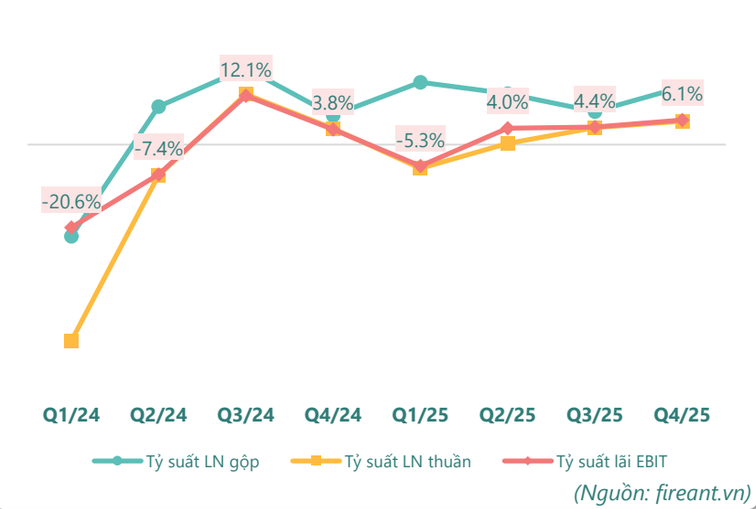
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



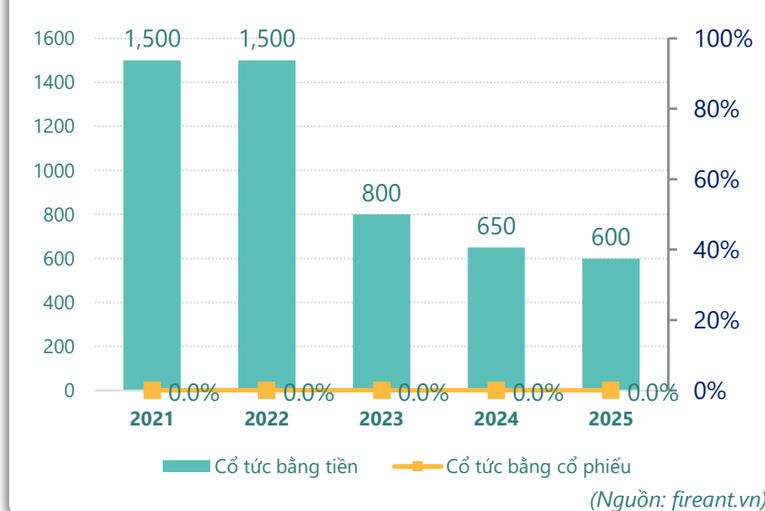
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

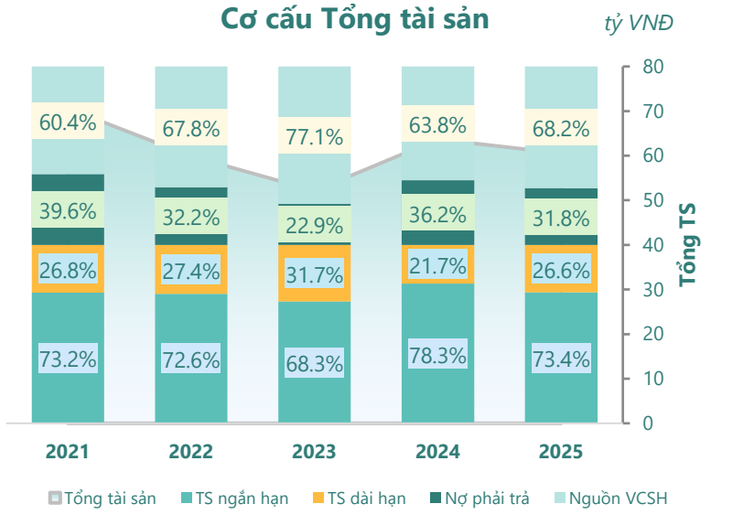
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

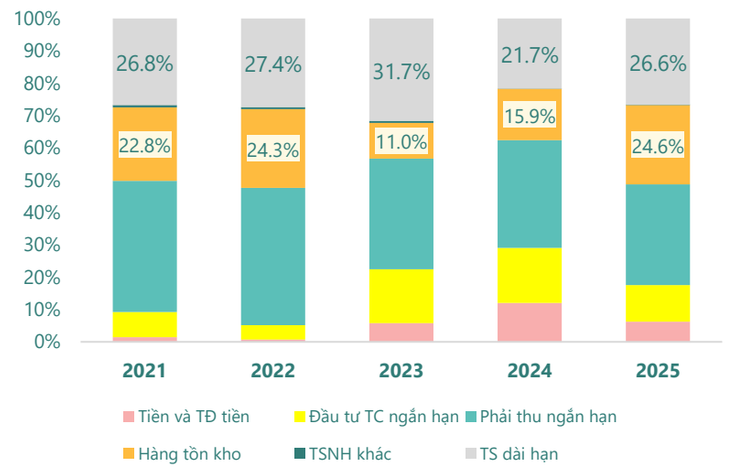
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



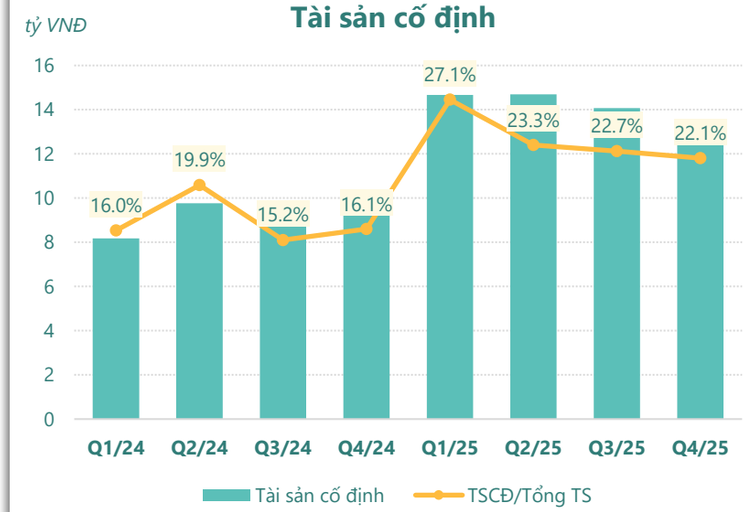
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



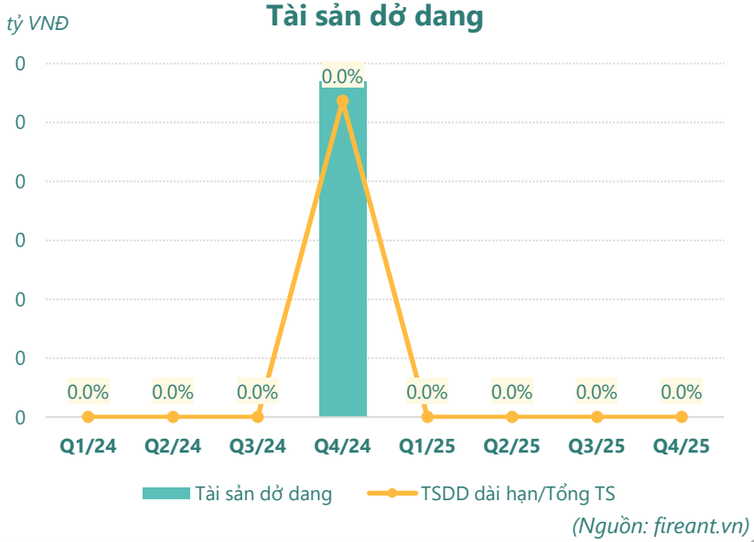
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



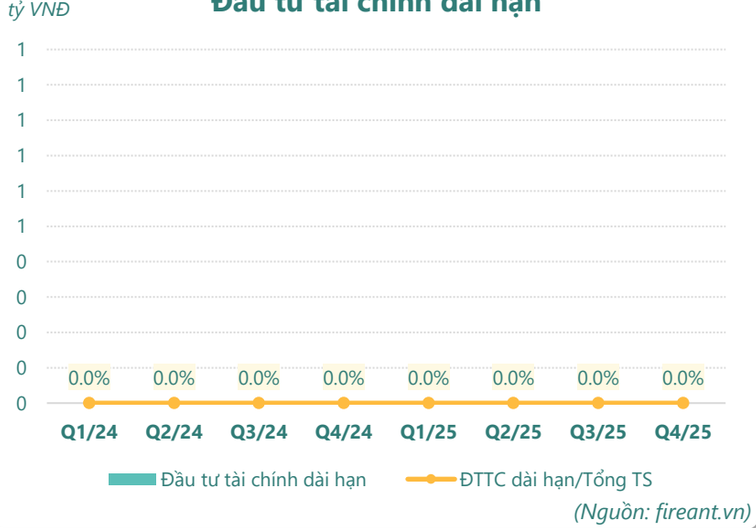
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



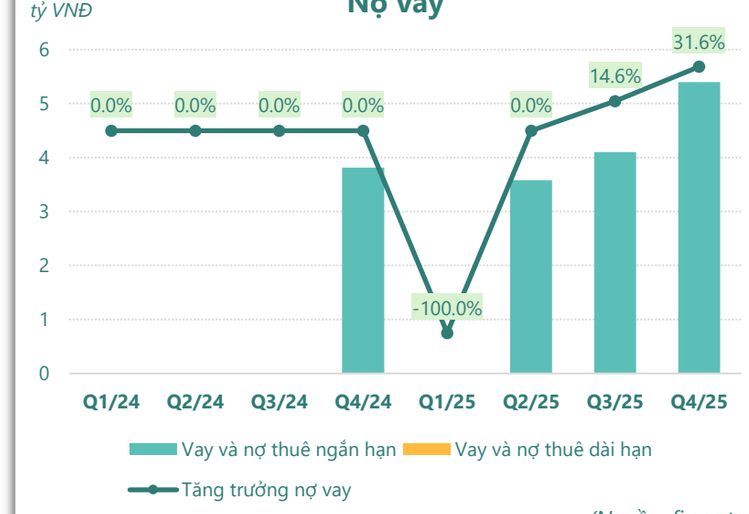
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

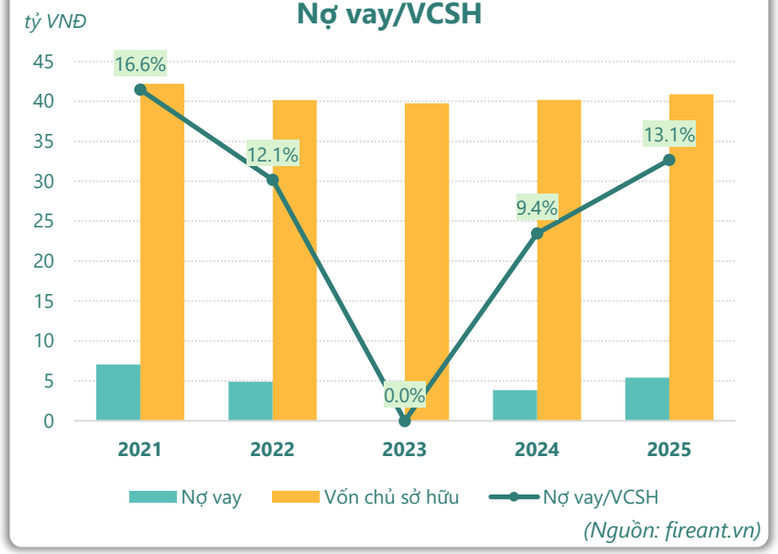
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

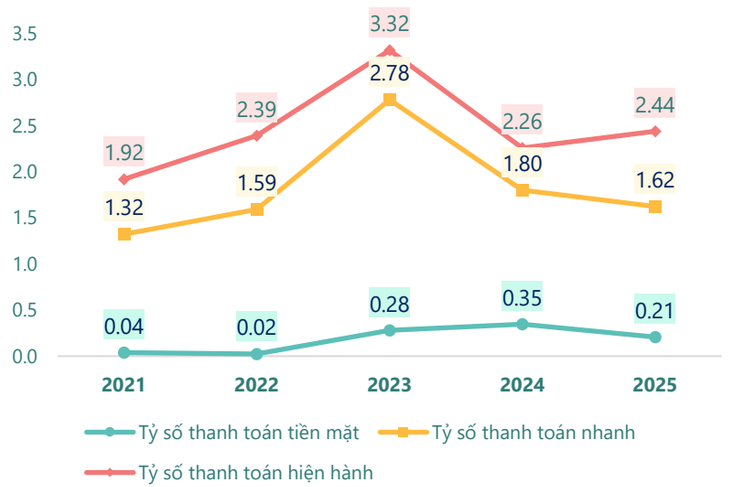
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



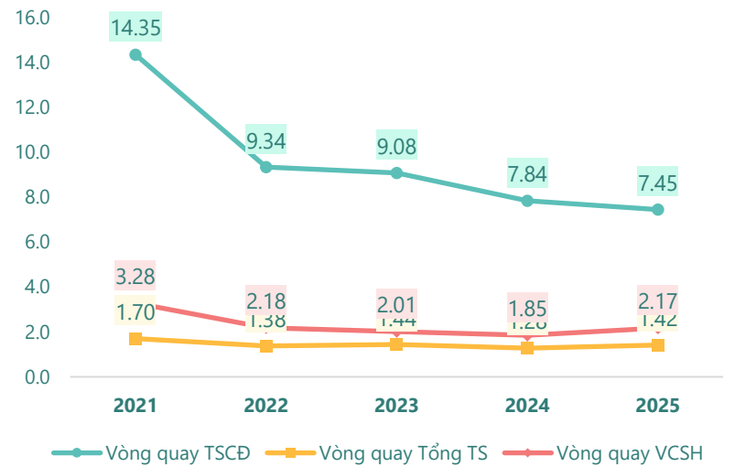
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



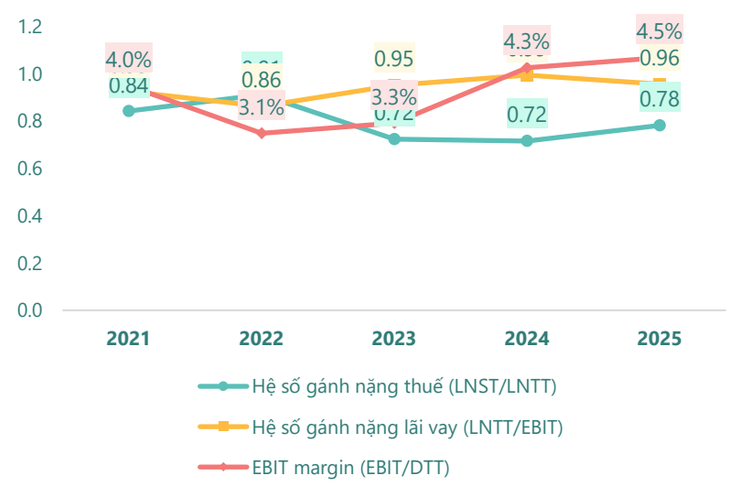
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



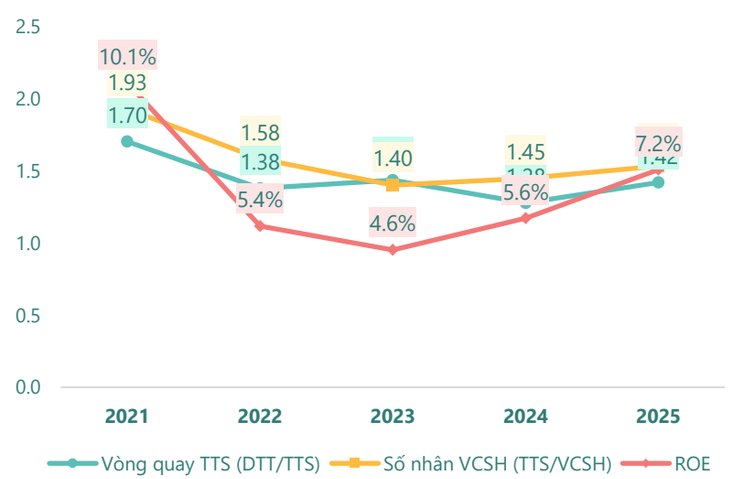
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



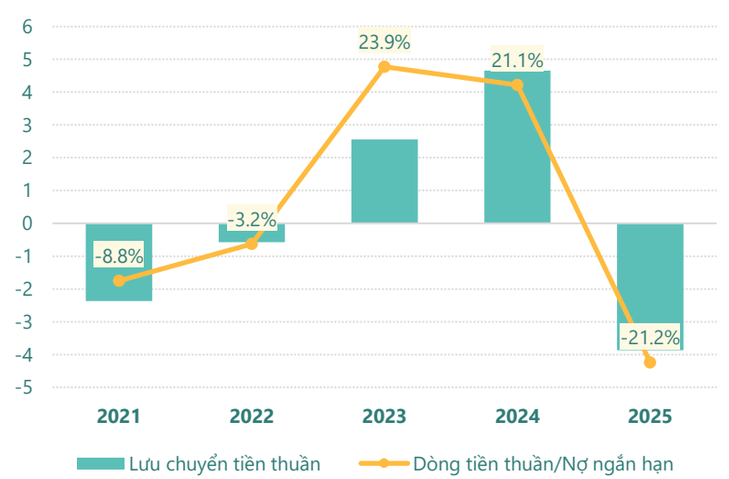
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**30.8**	**41.9**	**-26.4%**	**88.1**	**74.0**	**19.1%**
Giá vốn hàng bán	26.4	38.8	-31.9%	78.0	66.5	17.3%
Lợi nhuận gộp	4.42	3.03	45.7%	10.1	7.51	34.8%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.15	-63.7%	0.25	0.44	-44.5%
Chi phí TC	0.10	0.03	248%	0.38	0.10	302%
Chi phí lãi vay	0.09	0.02	329%	0.17	0.02	853%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.58**	**1.49**	**73.3%**	**6.84**	**5.12**	**33.5%**
LN thuần từ HĐKD	1.78	1.67	6.8%	3.16	2.74	15.3%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**-0.11**	**106%**	**0.60**	**0.41**	**46.6%**
LN trước thuế	1.79	1.56	14.8%	3.75	3.14	19.4%
Lợi nhuận sau thuế	**1.42**	**1.41**	**1.0%**	**2.93**	**2.25**	**30.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.42**	**1.41**	**1.0%**	**2.93**	**2.25**	**30.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.64	-0.33	2.98	-7.88	0.50	-0.13
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.35	-1.42	0.18	-1.08	-0.09	0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	2.06	-3.81	3.58	0.52	1.29
Tiền đầu kỳ	7.06	7.35	7.65	6.99	1.62	2.54
Lưu chuyển tiền thuần	**0.29**	**0.30**	**-0.66**	**-5.38**	**0.93**	**1.24**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.35	7.65	6.99	1.62	2.54	3.78

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**60.5**	**63.7**	**-5.0%**
Tài sản ngắn hạn	44.4	49.9	-10.9%
Tiền và tương đương tiền	3.78	7.65	-50.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.83	10.8	-36.9%
Phải thu ngắn hạn	18.9	21.3	-11.3%
Hàng tồn kho	14.9	10.1	47.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.07	0.01	854%
Tài sản dài hạn	**16.1**	**13.8**	**16.5%**
Phải thu dài hạn	2.28	2.06	10.9%
Tài sản cố định	13.4	10.3	30.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.03	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.42**	**1.48**	**-71.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	19.2	23.1	-16.7%
Nợ ngắn hạn	**18.2**	**22.1**	**-17.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.40	3.81	41.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.03	8.25	-63.3%
Nợ dài hạn	1.02	1.02	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**41.3**	**40.6**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**40.9**	**40.2**	**1.7%**
Vốn điều lệ	27.0	27.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.41**	**0.41**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)